

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 04 trang)

ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LỚP 12 THPT, GDTX
LẦN THỨ BA - NĂM HỌC 2023-2024
Bài thi: KHOA HỌC XÃ HỘI
Môn thi thành phần: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

Họ, tên thí sinh:

Số báo danh:

Mã đề thi 001

(Lưu ý: Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam trong phòng thi do NXB Giáo dục Việt Nam phát hành)

Câu 41. Vùng đồng bằng nước ta thường xảy ra

- A. ngập lụt. B. động đất. C. lũ quét. D. sóng thần.

Câu 42. Biện pháp bảo vệ đa dạng sinh học ở nước ta là

- A. quy định việc khai thác. B. đẩy mạnh trồng rừng.
C. quy hoạch điểm dân cư. D. xây hồ thủy lợi.

Câu 43. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Đông Nam Bộ, vùng Đồng bằng sông Cửu Long, cho biết trung tâm công nghiệp Rạch Giá thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Kiên Giang. B. Bạc Liêu. C. Hậu Giang. D. An Giang.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Du lịch, cho biết trung tâm du lịch Huế **không** có tài nguyên du lịch nào sau đây?

- A. Di tích lịch sử cách mạng. B. Di sản văn hóa thế giới.
C. Di sản thiên nhiên thế giới. D. Du lịch biển.

Câu 45. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Hành chính, cho biết tỉnh nào sau đây giáp biển?

- A. Vĩnh Long. B. Cần Thơ. C. Hậu Giang. D. Bến Tre.

Câu 46. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Dân số, cho biết tỉnh nào sau đây có mật độ dân số thấp nhất?

- A. Hòa Bình. B. Lai Châu. C. Thanh Hóa. D. Hưng Yên.

Câu 47. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các miền tự nhiên, cho biết cửa sông nào sau đây nằm ở phía nam cửa Đáy?

- A. Ba Lạt. B. Hội. C. Nam Triệu. D. Văn Úc.

Câu 48. Giải pháp chủ yếu để tăng hệ số sử dụng đất ở vùng Đông Nam Bộ là

- A. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. B. khai khẩn đất hoang.
C. đẩy mạnh thâm canh. D. xây dựng công trình thủy lợi.

Câu 49. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Công nghiệp chung, cho biết trung tâm công nghiệp Huế và Đà Nẵng đều có ngành nào sau đây?

- A. Đóng tàu. B. Điện tử.
C. Cơ khí. D. Hóa chất, phân bón.

Câu 50. Các trung tâm công nghiệp nước ta hiện nay

- A. phân bố không đồng đều. B. có cơ cấu ngành rất hiện đại.
C. tập trung chủ yếu ở miền núi. D. chủ yếu có quy mô rất lớn.

Câu 51. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Khí hậu, cho biết vùng khí hậu nào sau đây **không** có gió Tây khô nóng hoạt động?

- A. Nam Trung Bộ. B. Tây Bắc Bộ. C. Nam Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 52. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Nông nghiệp, cho biết tỉnh nào sau đây có sản lượng lúa cao nhất vùng Bắc Trung Bộ?

- A. Hà Tĩnh. B. Thanh Hóa. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Duyên hải Nam Trung Bộ, vùng Tây Nguyên, cho biết tỉnh nào sau đây **không** có trung tâm công nghiệp?

- A. Khánh Hòa. B. Quảng Ngãi. C. Phú Yên. D. Bình Định.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Giao thông, cho biết quốc lộ 19 nối Tây Nguyên với cảng biển nào sau đây?

- A. Quy Nhơn. B. Đà Nẵng. C. Cam Ranh. D. Dung Quất.

Câu 55. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ, vùng Đồng bằng sông Hồng, cho biết khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Ninh. B. Lạng Sơn. C. Cao Bằng. D. Hà Giang.

Câu 56. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Vùng Bắc Trung Bộ, cho biết chè được trồng nhiều nhất ở tỉnh nào sau đây?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Nghệ An. D. Thanh Hóa.

Câu 57. Ngành công nghiệp chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa của nước ta thường phân bố ở

- A. các thành phố lớn. B. khu vực ven biển.
C. nơi nhiều lao động. D. gần đường giao thông.

Câu 58. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các hệ thống sông, cho biết hồ Thác Bà nằm trong lưu vực hệ thống sông nào sau đây?

- A. Cả. B. Hồng. C. Mã. D. Ba.

Câu 59. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Các ngành công nghiệp trọng điểm, cho biết trung tâm công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng nào sau đây có quy mô nhỏ nhất?

- A. Hải Phòng. B. Nam Định. C. Hạ Long. D. Hải Dương.

Câu 60. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang Kinh tế chung, cho biết khu kinh tế ven biển nào sau đây thuộc Đồng bằng sông Cửu Long?

- A. Nhơn Hội. B. Định An. C. Vân Phong. D. Dung Quất.

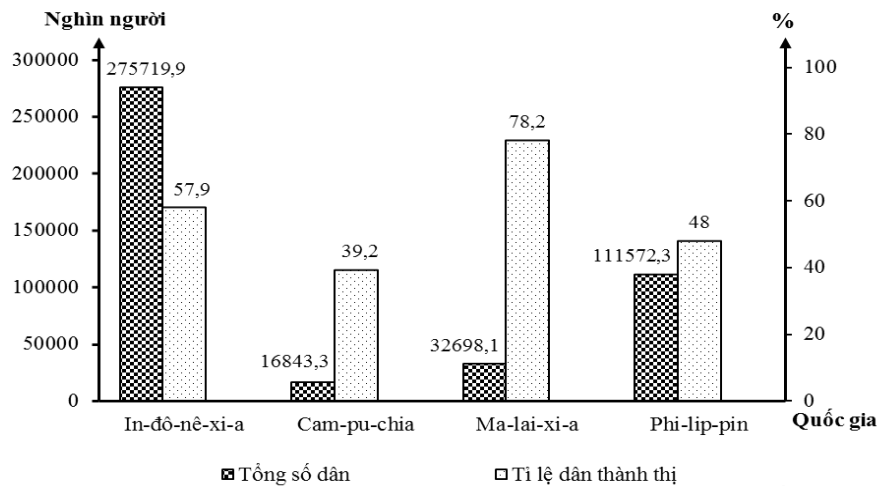
Câu 61. Cơ cấu lao động theo ngành kinh tế của nước ta hiện nay

- A. giảm tỉ trọng công nghiệp - xây dựng. B. không thay đổi tỉ trọng giữa các ngành.
C. tăng tỉ trọng nhóm ngành dịch vụ. D. tăng tỉ trọng nông - lâm - ngư nghiệp.

Câu 62. Nước ta nằm trong vùng nội chí tuyến nên

- A. lượng mưa cao đều quanh năm. B. có gió mùa hoạt động liên tục.
C. Mặt Trời luôn ở trên thiên đỉnh. D. thường xuyên có gió Mậu dịch.

Câu 63. Cho biểu đồ:



TỔNG SỐ DÂN VÀ TỈ LỆ DÂN THÀNH THỊ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2022

(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây đúng về số dân thành thị của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2022?

- A. In-đô-nê-xi-a thấp hơn Ma-lai-xi-a. B. Cam-pu-chia cao hơn In-đô-nê-xi-a.
C. Ma-lai-xi-a cao hơn Cam-pu-chia. D. Phi-lip-pin thấp hơn Ma-lai-xi-a.

Câu 64. Biện pháp chủ yếu để nâng cao sản lượng đánh bắt thủy sản ở nước ta hiện nay là

- A. đầu tư phương tiện hiện đại, đẩy mạnh đánh bắt xa bờ.
B. áp dụng công nghệ chế biến, giảm ô nhiễm môi trường.
C. nâng cao trình độ ngư dân, mở rộng thị trường tiêu thụ.
D. tìm kiếm ngư trường mới, thu hút nguồn vốn đầu tư.

Câu 65. Biện pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả sản xuất cây cà phê ở nước ta hiện nay là

- A. đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông. B. đẩy mạnh sản xuất chuyên canh.
C. ứng dụng công nghệ hiện đại. D. mở rộng diện tích gieo trồng.

Câu 66. Giải pháp chủ yếu để nâng cao hiệu quả ngành chăn nuôi gia súc ở nước ta hiện nay là

- A. sản xuất theo hướng hàng hóa.
- B. nâng cao tay nghề người lao động.
- C. thay đổi giống vật nuôi.
- D. mở rộng diện tích các đồng cỏ.

Câu 67. Dân cư nước ta hiện nay

- A. phân bố hợp lí giữa các vùng.
- B. có mật độ cao ở các đồng bằng.
- C. tập trung chủ yếu ở thành thị.
- D. quy mô có xu hướng giảm.

Câu 68. Cho bảng số liệu sau:

SỐ DÂN NAM VÀ NỮ CỦA MỘT SỐ QUỐC GIA ĐÔNG NAM Á NĂM 2022

(Đơn vị: Nghìn người)

Quốc gia	Lào	Mi-an-ma	Cam-pu-chia	Bru-nây
Nam	3728,5	26661,4	8225,3	235,0
Nữ	3714,3	29108,9	8618,0	210,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về tỉ số giới tính của một số quốc gia Đông Nam Á năm 2022?

- A. Mi-an-ma cao hơn Bru-nây.
- B. Lào thấp hơn Cam-pu-chia.
- C. Cam-pu-chia thấp hơn Mi-an-ma.
- D. Bru-nây cao hơn Cam-pu-chia.

Câu 69. Cơ cấu công nghiệp theo lãnh thổ nước ta hiện nay

- A. giảm tỉ trọng thành phần nhà nước.
- B. hình thành các khu công nghiệp.
- C. giảm tỉ trọng ngành chế biến.
- D. tăng tỉ trọng kinh tế tư nhân.

Câu 70. Hướng phát triển của ngành bưu chính nước ta hiện nay là

- A. sử dụng lao động chưa qua đào tạo.
- B. chỉ tập trung tại đồng bằng, đô thị.
- C. đẩy mạnh tin học hóa, cơ giới hóa.
- D. tăng quy trình nghiệp vụ thủ công.

Câu 71. Khối lượng nông sản hàng hóa ở Tây Nguyên tăng lên chủ yếu do

- A. thu hút đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh chuyên môn hóa, tạo thương hiệu sản phẩm.
- B. đa dạng hóa sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, gắn trồng trọt với chế biến.
- C. giải quyết nước tưới vào mùa khô, sử dụng giống mới, mở rộng diện tích cây trồng.
- D. mở rộng vùng chuyên canh, ứng dụng khoa học công nghệ, đa dạng hóa cây trồng.

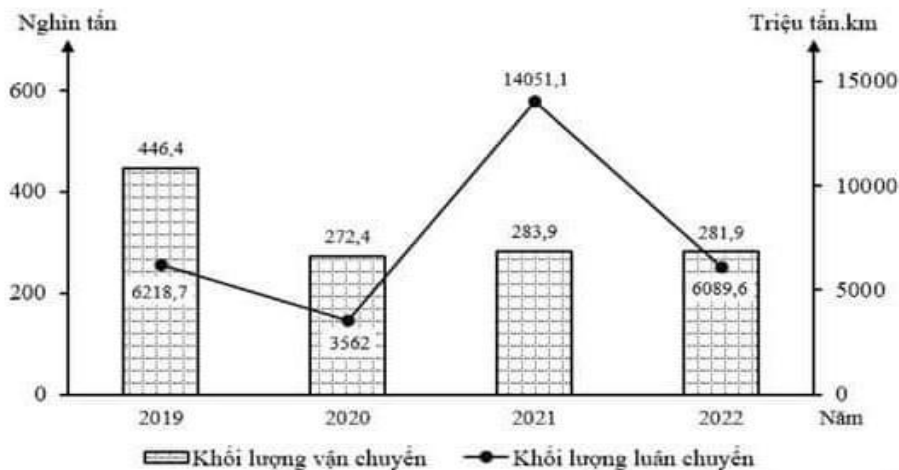
Câu 72. Giải pháp chủ yếu để phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm ở Đồng bằng sông Hồng là

- A. mở rộng đầu ra, tăng chuyên môn hóa.
- B. thu hút đầu tư, xây dựng khu chế xuất.
- C. cơ giới hóa, tăng liên kết với các vùng.
- D. ứng dụng công nghệ mới, đẩy mạnh đầu tư.

Câu 73. Cảnh quan thiên nhiên phần lãnh thổ phía Bắc khác với phần lãnh thổ phía Nam nước ta chủ yếu do tác động kết hợp của

- A. gió mùa và Tín phong bán cầu Bắc, vị trí gần chí tuyến, địa hình.
- B. gió mùa Tây Nam, dải hội tụ nhiệt đới, vị trí xa xích đạo, núi cao.
- C. Tín phong bán cầu Bắc, vị trí khu vực gió mùa, địa hình có núi cao.
- D. gió mùa Đông Bắc và gió Tây, vị trí nội chí tuyến, địa hình đồi núi.

Câu 74. Cho biểu đồ về tình hình vận chuyển bằng đường hàng không của nước ta giai đoạn 2019 - 2022:



(Số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB Thống kê, 2023)

Biểu đồ trên thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Sự thay đổi khối lượng vận chuyển và luân chuyển hành khách.
- B. Khối lượng vận chuyển hàng hóa và luân chuyển hành khách.
- C. Tốc độ tăng khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa .
- D. Sự thay đổi khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa .

Câu 75. Cho bảng số liệu:

SẢN LƯỢNG THAN SẠCH, DẦU THÔ VÀ ĐIỆN CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 - 2021

Năm	2010	2014	2018	2021
Than sạch (triệu tấn)	44,8	41,1	42,0	48,3
Dầu thô (triệu tấn)	15,0	13,4	14,0	10,9
Điện (tỉ Kwh)	91,7	141,3	209,2	244,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2022, NXB thống kê, 2023)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sản lượng than sạch, dầu thô và tốc độ tăng trưởng sản lượng điện của nước ta giai đoạn 2010 - 2021, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Kết hợp.
- B. Cột.
- C. Miền.
- D. Đường.

Câu 76. Việc mở rộng diện tích trồng cây ăn quả và mặt nước nuôi trồng thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đa dạng hóa cơ cấu kinh tế, sử dụng hợp lí tài nguyên, thu hút vốn đầu tư.
- B. thay đổi cơ cấu sản xuất, sử dụng hợp lí nguồn lực, tăng hiệu quả kinh tế.
- C. phát huy thế mạnh tự nhiên, tăng nguồn hàng trong nước, tăng sản lượng.
- D. ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao năng suất, thu hút nguồn đầu tư.

Câu 77. Giải pháp chủ yếu để thúc đẩy sự phát triển công nghiệp ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ là

- A. đảm bảo cơ sở năng lượng, thu hút nhiều đầu tư.
- B. đảm bảo nguyên liệu, mở rộng thị trường tiêu thụ.
- C. nâng cao trình độ lao động, phát triển giao thông.
- D. đổi mới cơ sở vật chất kỹ thuật, hội nhập quốc tế,

Câu 78. Thị trường nhập khẩu của nước ta ngày càng mở rộng chủ yếu do

- A. chính trị ổn định, cơ cấu kinh tế chuyển dịch.
- B. toàn cầu hoá, quan hệ với các nước phát triển.
- C. hội nhập thế giới rộng, nhiều dịch vụ đổi mới.
- D. sản xuất phát triển, quan hệ với nhiều nước.

Câu 79. Mục đích chủ yếu của việc đầu tư phát triển các cửa khẩu ở Bắc Trung Bộ là

- A. mở rộng thị trường, tăng cường trao đổi hàng hoá, thúc đẩy phát triển kinh tế.
- B. tăng cường hợp tác, chuyển dịch cơ cấu ngành, thúc đẩy sự phân công lao động.
- C. thu hút các nguồn vốn, phát triển kinh tế biên giới, hình thành nhiều đô thị mới.
- D. đẩy mạnh xuất khẩu, phân bố lại dân cư, giải quyết việc làm cho nhiều lao động.

Câu 80. Ý nghĩa chủ yếu của việc sản xuất cây công nghiệp theo vùng chuyên canh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. gắn với công nghiệp, sử dụng tốt hơn lao động, tăng hiệu quả kinh tế.
- B. tăng nông sản, nâng cao vị thế của vùng, thay đổi cách thức sản xuất.
- C. phân bố lại sản xuất, tạo ra việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông thôn.
- D. tăng xuất khẩu, phát huy thế mạnh, phát triển nông nghiệp hàng hóa.

----- HẾT -----

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TỈNH NINH BÌNH

ĐÁP ÁN
ĐỀ KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC LỚP 12 THPT, GDTX
LẦN THỨ BA - NĂM HỌC 2023-2024

Môn: ĐỊA LÍ
(Đáp án gồm 02 trang)

Câu	001	002	003	004	005	006	007	008	009	010	011	012	013	014	015	016	017	018	019	020	021	022	023	024
41	A	B	C	B	D	A	D	A	A	B	D	C	B	A	D	D	A	A	B	B	A	B	A	A
42	A	D	C	C	B	B	C	A	B	C	A	C	D	C	D	C	D	A	B	A	D	D	D	B
43	A	C	B	A	A	C	B	D	D	C	B	C	A	A	D	D	A	B	A	C	D	A	C	B
44	C	B	A	B	D	C	D	B	A	A	D	B	C	C	B	D	A	C	C	D	C	A	D	D
45	D	A	A	D	C	C	C	D	A	A	C	B	B	D	D	A	B	A	C	D	D	C	D	B
46	B	D	D	D	B	A	D	C	B	D	D	B	A	D	A	B	D	C	A	C	C	A	C	B
47	B	A	D	A	D	D	C	B	D	A	A	B	B	D	D	B	B	A	B	B	A	D	D	B
48	D	D	D	B	D	C	C	A	A	C	D	C	A	D	B	A	C	A	B	B	D	C	A	D
49	C	B	D	D	C	A	B	A	D	D	B	A	D	B	D	D	A	C	C	A	C	A	C	B
50	A	C	C	B	D	C	C	B	C	C	C	C	C	D	A	A	B	D	A	A	C	D	D	B
51	C	B	B	B	A	D	D	C	D	A	B	D	C	C	B	C	B	A	C	C	B	B	D	B
52	B	D	D	D	A	A	A	D	C	A	B	D	C	D	B	D	A	D	C	A	B	A	D	B
53	C	C	B	D	C	B	D	A	D	B	A	B	C	A	A	B	A	C	C	C	A	B	A	C
54	A	A	D	B	A	A	C	A	D	C	C	C	C	B	B	C	C	B	D	A	C	B	A	D
55	D	A	B	C	B	D	B	D	D	D	C	D	B	D	A	C	B	C	A	D	C	B	A	A
56	C	C	A	D	A	C	D	D	D	B	A	A	D	A	D	D	C	D	B	A	B	C	A	A
57	A	B	A	B	A	B	B	B	D	A	A	A	C	D	A	A	A	A	B	A	B	B	A	D
58	B	A	C	A	B	A	A	C	A	A	A	A	A	D	A	C	D	D	C	C	D	C	C	A
59	C	B	B	D	D	A	C	B	A	D	D	B	B	C	D	C	B	B	D	A	D	B	D	C
60	B	D	D	B	A	B	A	D	A	C	D	B	C	B	C	B	B	C	A	D	D	D	A	C
61	C	A	D	D	A	D	C	C	C	C	A	D	C	C	D	D	D	A	A	D	D	C	C	A
62	D	C	B	C	B	A	A	C	A	C	B	A	D	C	D	B	D	A	D	B	D	A	B	D
63	C	B	A	A	C	B	B	C	B	D	A	B	C	C	D	A	B	C	D	A	C	C	A	C
64	A	D	D	B	D	A	C	B	B	D	A	D	C	D	A	B	C	D	D	D	B	A	C	C
65	C	B	A	A	A	D	A	B	C	D	D	D	D	A	A	D	C	B	C	B	C	A	D	D
66	A	A	B	A	D	C	A	D	C	A	A	B	B	C	B	B	B	D	B	A	C	C	B	A

Câu	001	002	003	004	005	006	007	008	009	010	011	012	013	014	015	016	017	018	019	020	021	022	023	024
67	B	B	A	D	A	A	D	A	B	B	C	C	D	B	D	C	C	D	C	B	B	C	A	B
68	D	A	C	D	B	A	C	D	C	C	B	C	C	C	C	B	C	B	C	C	A	A	A	C
69	B	B	A	B	D	B	B	C	B	C	C	B	D	C	B	D	A	A	B	B	A	A	B	B
70	C	D	A	B	C	C	A	D	C	A	B	B	D	C	C	B	D	B	D	B	C	B	C	B
71	D	C	B	D	B	B	B	B	B	A	C	D	D	A	B	A	B	C	B	C	C	C	B	D
72	D	D	D	D	C	D	A	C	D	A	D	A	A	C	A	A	B	C	B	C	A	D	A	C
73	A	A	C	D	C	D	C	C	C	A	D	A	B	A	A	A	A	D	A	A	B	C	A	D
74	D	C	C	C	B	A	D	B	C	C	C	A	D	C	C	D	D	A	B	B	C	A	A	A
75	A	C	A	D	A	B	C	B	A	A	C	B	A	D	B	B	B	C	A	D	C	B	D	A
76	B	B	D	C	D	C	B	C	C	A	B	C	A	B	D	D	B	C	D	B	D	B	A	B
77	A	D	A	C	C	B	B	A	C	C	C	D	C	C	A	B	D	B	C	D	D	D	A	A
78	D	D	B	D	D	C	D	C	C	D	C	D	D	C	D	A	D	D	D	C	C	A	A	A
79	A	C	C	B	D	C	A	B	D	A	B	D	C	C	C	D	C	C	A	D	D	D	D	B
80	D	B	D	B	D	C	B	B	A	C	C	B	B	B	C	A	C	D	A	B	A	D	B	C

----- HẾT -----